TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày: 16/3/2018.
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phan Đình Ngân.

***- Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Võ Thành Trung.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-DS ngày 03/10/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-DS ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

***** ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

***** ***Bị đơn:*** Ông Phùng Hồng S, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông S có đơn xin vắng mặt, bà Đ vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H như sau: Vào ngày 27/6/2017 bà H có cho vợ chồng ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ vay số tiền là 96.500.000đ (chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), cho vay không tính lãi, thời gian trả lại là vào ngày 05/7/2017, khi vay hai bên có làm

giấy cho mượn tiền do chính ông S tự viết cho bà H. Thế nhưng, sau khi vay xong khi đến hạn trả nợ thì ông S và bà Đ không trả cho bà H đúng như cam kết, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà Đ trả nợ, nhưng ông S và bà Đ cứ hẹn lần hẹn lượt không trả kéo dài cho đến nay. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà Đ trả cho bà số tiền gốc đã vay và lãi suất do chậm trả của số tiền này kể từ ngày 06/7/2017 cho đến ngày 16/3/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), trước đây trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 1.125%/tháng, tại phiên tòa bà H thay đổi chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 10%/năm. Bà H yêu cầu ông S và bà Đ trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bị đơn ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông S có đơn xin vắng mặt không đến Tòa án theo lịch triệu tập làm việc, cũng không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy vậy, qua Đơn xin vắng mặt Phiên hòa giải và cam kết trả nợ vay ngày 24/8/2017 mà ông S gửi cho Tòa án có thể hiện ông S thừa nhận có vay nợ bà H đồng thời cam kết sẽ trả hết nợ cho bà H hạn chót là ngày 25/10/2017 nhưng không thể hiện ông S nợ số tiền cụ thể là bao nhiêu và khi đến ngày 25/10/2017 ông vẫn không trả nợ cho bà H.

Đối với bà Nguyễn Thị Anh Đ sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ không đến theo lịch triệu tập của Tòa án cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Đ. Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

* Chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 26/7/2017; Giấy viết tay thể hiện ông S vay tiền của bà H (bản chính).

* Chứng cứ do bị đơn ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ cung cấp: Ông S cung cấp Đơn xin vắng mặt phiên hòa giải và cam kết trả nợ vay ngày 24/8/2017 và Đơn xin vắng mặt ngày 13/3/2018; Bà Đ không cung cấp chứng cứ.

* Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

- Tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp khi nộp đơn khởi kiện.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông S và bà Đ trả cho bà H số tiền đã vay là 96.500.000đ (chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi của số tiền này do chậm trả kể từ ngày 06/7/2017 đến ngày 16/3/2018 với mức lãi suất 10%/năm. Ông S thừa nhận có vay tiền của bà H và cam kết trả nợ nhưng không thực hiện.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do sau khi vay ông S và bà Đ đã vi phạm hợp đồng vay, khi đến hạn trả nợ mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà Đ trả nợ nhưng ông S và bà Đ không trả, mặc dù bà H đã tạo điều kiện cho ông S và bà Đ được trả dần cho bà H, nhưng ông S và bà Đ không thực hiện.

Tòa án sau khi thụ lý vụ án, đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H cùng ông S và bà Đ tự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Tiến hành tống đạt hợp lệ cho ông S và bà Đ, tuy nhiên do bị đơn ông S và bà Đ không đến tham gia theo lịch triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Khoản 1, Điều 207 Bộ Luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự, bị đơn ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ có hộ khẩu thường trú tại Khu phố 2, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Long An và hiện tại đang có mặt tại địa phương. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về tố tụng: Ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông S có đơn đề nghị vắng mặt, bà Đ vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà Đ.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H:

Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền phát sinh từ hợp đồng vay là 96.500.000đ (chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và lãi suất chậm trả từ ngày 06/7/2017 đến ngày 16/3/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 10%/năm thời gian là 08 tháng 10 ngày. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cung cấp giấy cho mượn tiền do chính ông S viết cho bà

cho bà H. Qua giấy cho mượn tiền viết tay này kết hợp với lời cam kết trả nợ vay của ông S trong đơn xin vắng mặt phiên hòa giải và cam kết trả nợ vay ngày 24/8/2017 cùng các chữ viết và chữ ký ghi họ tên của ông Phùng Hồng S thể hiện vào ngày 27/6/2017 ông S có vay của bà H số tiền là 96.500.000đ (chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) thời gian trả nợ là ngày 05/7/2017, nhưng khi đến thời hạn trả nợ ông S không trả, sau đó bà H đòi nhiều lần và tạo điều kiện thời gian và cho ông S trả dần cho đến khi hết nợ nhưng ông S không trả mà tìm cách né tránh nghĩa vụ trả nợ kéo dài đến nay không trả, việc cho vay không tính lãi đúng như lời bà H đã trình bày.

Về hình thức hợp đồng vay: Hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 05/7/2017 và cho vay không tính lãi nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Do khi đến hạn trả nợ vay ông S không trả cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, do đó bà H khởi kiện đòi lại tài sản cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình là phù theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Dân sự.

Mặc dù theo giấy cho mượn tiền ngày 27/6/2017 do ông S viết và chỉ một mình ông S đứng tên giao dịch với bà H, tuy nhiên do bà Đ và ông S là vợ chồng nên căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc bà Đ và ông S có trách nhiệm liên đới và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng để trả nợ cho bà H.

Đối với ông S thừa nhận có vay nợ của bà H và có cam kết trả nợ, riêng đối với bà Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H xem như bà Đ thừa nhận số nợ mà bà H khởi kiện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của bà H là đúng và không cần phải chứng minh.

Về lãi suất do ông S và bà Đ chậm trả nợ cho bà H nên bà H yêu cầu tính lãi do chậm trả với mức 10%/năm thời gian tính từ ngày 06/7/2017 đến ngày 16/3/2018 là 08 tháng 10 ngày, yêu cầu này của bà H phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nói trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ là có căn cứ và được chấp nhận.

[4]Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, trường hợp người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả

lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà H được chấp nhận. Bà H không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 và 357 của Bộ luật dân sự; Điều 20 Luật phí, lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc 96.500.000đ (chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi là 6.701.000đ (sáu triệu bảy trăm linh một nghìn đồng). Cộng cả gốc và lãi là 103.201.000đ (một trăm linh ba triệu, hai trăm linh một nghìn đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trường hợp người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu 5.160.000đ (năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước (chưa nộp). Bà Nguyễn Thị Thu H không

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.440.000đ (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003701 ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Phùng Hồng S và bà Nguyễn Thị Anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phan Đình Ngân